TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚC THỌ, TP HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 4 - 2024
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ- THÀNH PHỐ HÀNỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Bà **Đỗ Thị Minh Loan**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông **Lê Xuân Sơn**

Ông **Nguyễn Văn Học**

***Thư ký phiên toà*:** Bà **Ngô Thị Mơ**, Thư ký Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà **Khuất Thu Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 25/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình (Ly hôn) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Đỗ Thị Hải O**, sinh năm 1997; Có mặt.

Nơi ĐKHKTT: Thôn F, xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã L, huyện P, Thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1994; Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn F, xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các bản khai tiếp theo của các bên đương sự tại Toà án, vụ án có nội dung như sau:

Chị Đỗ Thị Hải O và anh Nguyễn Văn T có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn cùng nhau. Anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 21/02/2017. Sau khi kết hôn, chị O về chung sống cùng anh T tại Thôn F, xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội. Chị ở chung cùng bố mẹ anh T khoảng 01 tháng thì bố mẹ anh T cho vợ chồng chị ở riêng.

Về nguyên nhân mâu thuẫn theo chị O trình bày: Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc bình thường với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân mâu thuẫn do anh T mải mê chơi bời cờ bạc, làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Rất nhiều lần anh T chơi bời xong báo nợ về cho chị nên chị lại phải làm lụng để kiếm tiền trả nợ cho chồng. Chị và anh T thường xuyên xảy ra cãi vã. Nhiều lần anh T chơi bời gây nợ xong rồi bỏ đi đâu đó một thời gian rồi lại quay về. Bố mẹ hai bên có biết việc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và khuyên bảo rất nhiều nhưng anh T không chịu thay đổi. Từ khoảng tháng 7/2023, sau một lần anh T tiếp tục chơi bời gây nợ, vợ chồng cãi vã nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống tại Thôn B, xã L. Từ đó đến nay, chị và anh T sống ly thân. Thỉnh thoảng lắm vợ chồng mới liên lạc với nhau, anh T có níu kéo và mong muốn chị về để vợ chồng đoàn tụ lại với nhau nhưng chị biết là anh T không thể bỏ được tính chơi bời này nên chị không về. Nay chị xác định tình cảm với anh T không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 15/9/2017. Hiện nay cháu L đang ở với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu L. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm thợ may tại địa phương, thu nhập trung bình mỗi tháng của chị khoảng 10.000.000đ. Chị có chỗ ở ổn định là nhà của bố mẹ chị tại xã L.

Về tài sản chung, công sức: Không có.

Về nợ: Không có.

Ngoài ra, chị O không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Đối với bị đơn là anh T không đến Toà án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị O. Khi cán bộ Tòa án đến tại nơi cư trú hiện nay của anh T tại Thôn F, xã T cũng không gặp được anh T nên Tòa án không tiến hành được việc lấy lời khai của anh T cũng như không tiến hành được thủ tục hòa giải để giải quyết việc ly hôn của chị O và anh T.

Theo biên bản xác minh ngày 06/3/2024, đại diện Thôn F, xã T cho biết như sau: Vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị Hải O là người dân sống tại Thôn F, xã T, huyện P. Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuệ L, sinh năm 2017. Quá trình anh chị chung sống, địa phương cũng có nghe phản ảnh là vợ chồng anh T và chị O không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh T chơi bời, báo nợ về cho gia đình, vợ con. Nhiều lần anh T uống rượu say rồi gây gổ với người xung quanh. Chị O nhìn chung là người ngoan ngoãn, chịu khó làm ăn và nín nhịn anh T nhiều năm nay. Từ khoảng tháng 7/2023, chị O đưa con về nhà sống tại nhà bố mẹ đẻ ở Thôn B, xã L. Chị O và anh T sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh T sống tại địa phương và làm xưởng may cho anh trai. Thu nhập của anh T như thế nào thì địa phương không rõ. Thời gian gần đây anh T không thường xuyên ở nhà, thỉnh thoảng mới về. Anh T đi đâu, làm gì thì địa phương không rõ.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 22/3/2024, mẹ đẻ chị O là bà Đỗ Thị Y trình bày như sau: Năm 2017, chị O kết hôn cùng anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994 trú tại Thôn F, xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, chị O về chung sống cùng anh T. Vợ chồng sinh được 01 người con là cháu Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 15/9/2017. Quá trình chung sống, bà được nghe mọi người nói lại là anh T chơi bời,

không chịu tu chí làm ăn và báo nợ về cho vợ. Rất nhiều lần anh T cắm xe máy của chị O. Bà có hỏi chị O về những sự việc anh T gây ra nhưng chị O vẫn rất bênh vực anh T, không chia sẻ cho vợ chồng bà biết. Bà cũng động viên, vun vén cho con để vợ chồng bảo ban nhau tu chí làm ăn, xây dựng hạnh phúc gia đình. Tháng 7/2023, chị O về nhà bà bảo là ở chơi vài hôm, bà cũng vô tư không nghĩ gì. Sau đó, bạn của chồng bà là ông H là người dân ở L gọi điện báo cho chồng bà biết là anh T lấy hàng hóa của ông H mà không chịu thanh toán tiền. Khi đó, bà hỏi chị O thì mới vỡ lở ra sự việc là anh T tiếp tục gây nợ. Mẹ con chị O ở nhà bà từ đó cho đến nay. Trong thời gian đó, anh T có đến gia đình bà một lần khóc lóc xin lỗi chị O và vợ chồng bà để chị O chung sống cùng anh T. Bố đẻ anh T cũng 02 lần xuống nhà bảo chị O về nhưng chị O không về. Nay chị O làm đơn xin ly hôn anh T, gia đình bà hoàn toàn nhất trí ủng hộ vì bao nhiêu năm kết hôn anh T liên tục gây nợ, làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, không mang lại hạnh phúc cho vợ con. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật để mẹ con chị O sớm ổn định cuộc sống.

Tại phiên tòa, chị O giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh T và đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Tuệ L, chị O không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án như sau: Việc Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Việc xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tống đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật. các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án đề nghị HĐXX xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị O, cho chị Đỗ Thị Hải O được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 15/9/2017 cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng cho đến cháu L đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Do chị O không có yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T cho đến khi chị O có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền . Về tài sản chung, công sức và nợ: Không có.

Về án phí: Chị O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Đỗ Thị Hải O. Bị đơn là anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại Thôn F, xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Hải O và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P vào ngày 21/02/2017 nên quan hệ hôn nhân của anh chị được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình sống chung, chị O và anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị O trình bày là do anh T không chịu tu chí làm ăn, mải mê chơi bời cờ bạc, nợ nần ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Chị và anh T thường xuyên xảy ra cãi vã. Mẹ đẻ chị O và đại diện chính quyền Thôn F, xã T cũng cho biết nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng của chị O và anh T đúng như chị O trình bày.

HĐXX nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị O và anh T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cho chị Đỗ Thị Hải O được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[2.2]. Về con chung: Chị O và anh T có với nhau 01 con chung là cháu Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 15/9/2017. Khi ly hôn, chị O đề nghị giao cháu Tuệ L cho chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi phải căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh của các bên để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của trẻ. Anh T không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày quan điểm, ý kiến về việc nuôi con. Hiện nay cháu L đang ở cùng chị O. Chị O có đầy đủ điều kiện về chỗ ở và thu nhập đảm bảo cho việc nuôi con. Vì vậy, HĐXX thấy nên giao cháu L cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Do chị O không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T cho đến khi chị O có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung, công sức và nợ: Chị O xác định không có nên không không đề cập xem xét giải quyết. Nếu anh T có yêu cầu sẽ được quyền khởi kiện để được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị Đỗ Thị Hải O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án .

Xử: Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị Hải O

+ Chị Đỗ Thị Hải O được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 15/9/2017 cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T cho đến khi chị O có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, công sức và nợ: Chị O xác định không có nên không đề cập xem xét giải quyết. Nếu anh T có yêu cầu sẽ được quyền khởi kiện để được giải quyết bằng một vụ án khác.

+ Về án phí: Chị Đỗ Thị Hải O phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0013105 ngày 04/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

+ Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Đỗ Thị Hải O có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- UBND xã Tam Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Minh Loan